

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị D, sinh năm 1984. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn X, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Chị và anh Ngô Văn X chung sống với nhau từ tháng 01/2006, nhưng đến ngày 20/12/2011 chị và anh X mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, việc chị và anh X chung sống và kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh X không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, ham chơi bài bạc nên làm hao tổn tài sản của gia đình, chị D đã nhiều lần khuyên can nhưng anh X không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị và anh X đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh X không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh X không còn chung sống với nhau đã lâu, nay không thể quay về chung sống với nhau được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ngô Văn X.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trương Thị D và anh Ngô Văn X có 01 con chung tên là Ngô Xuân M, sinh ngày 19/02/2007, hiện nay đang ở với chị D, khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị D xác định chị và anh Ngô Văn X không có tài sản chung và hiện nay không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn X: Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng anh X không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh X hiện đang cư trú tại Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, anh X không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh X được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị D thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn anh Ngô Văn X không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị D, cho chị Trương Thị D được ly hôn với anh Ngô Văn X.

Về con chung: Giao cháu Ngô Xuân M, sinh ngày 19/9/2007 cho chị Trương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị D xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Ngô Văn X và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn anh Ngô Văn X cư trú tại: Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Ngô Văn X, nhưng anh Ngô Văn X không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Anh Ngô Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chị Trương Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Ngô Văn X tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01/2006, đến ngày 20/12/2011 chị D và anh X đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh X chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh X không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, ham chơi bài bạc làm hao tổn tài sản của gia đình. Chị D và anh X đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Qua xác minh tại Buôn C, xã B, huyện K, nơi anh X cư trú, thể hiện vợ chồng anh X và chị D đã xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2015, chị D và anh X đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Trương Thị D và anh Ngô Văn X không còn tình cảm, thương yêu, tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị Trương Thị D được ly hôn anh Ngô Văn X là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Trương Thị D và anh Ngô Văn X có 01 con chung là Ngô Xuân M, sinh ngày 19/02/2007, khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị Trương Thị D và

nguyện vọng của cháu Ngô Xuân M. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, từ trước đến nay cháu Ngô Xuân M ở với chị D tại Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long có nơi ở, sinh hoạt, học tập ổn định. Đồng thời chị D có công việc và thu nhập ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Xuân M cho chị Trương Thị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Ngô Văn X có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị D xác định chị và anh Ngô Văn X không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị D xác định chị và anh Ngô Văn X không nợ ai tài sản gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật, anh Ngô Văn X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị D.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Ngô Văn X.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Ngô Xuân M, sinh ngày 19/02/2007 cho chị Trương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị D không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Trương Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 9360 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh
Vĩnh Long.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc

